

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 15/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Văn Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên toà: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 01/6/2020 đối với bị cáo:

Vi Văn T, sinh ngày 09/6/1996 tại huyện V, tỉnh L.

Nơi ĐKNKTT: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vi Văn Q, sinh năm 1970; con bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1967. Hiện đều trú tại: Xã L, huyện V, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Các bị hại: 1 - Ông Triệu Q, sinh năm 1970 - Vắng mặt.

2 - Bà Phùng C, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Q, sinh năm 1970 - Vắng mặt.

Bị hại, đại diện bị hại đều cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh L.

Người làm chứng:

1 - Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1998 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh L.

2 - Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1967 - Có mặt.

Nơi cư trú: K, xã L, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 13/3/2020, Vi Văn T đi bộ trên đường ở thôn P, xã L thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu đen-trắng biển kiểm soát 24V1- 061.70 của anh Q - sinh năm 1970, trú tại: Thôn P, xã L - dựng ở ven đường. Quan sát thấy không có người nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu sài. T lấy chiếc chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda vừa nhặt được trên đường cắm vào ổ khóa điện của xe, nổ máy điều khiển xe mô tô đi được khoảng 500m thì dừng lại và tháo biển kiểm soát xe bỏ vào trong cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe về phía xã K, huyện V. Trên đường đi T gọi điện cho Nguyễn Văn K - sinh năm 1998, trú tại thôn S, xã K nói nhà T mới mua được xe và rủ K mang xe đi cầm lấy tiền tiêu, K đồng ý, T điều khiển xe đến nhà K để đón K. T điều khiển xe mô tô chở K đi ra khu vực xã T, huyện V để cầm cố chiếc xe, trong khi đang đi tìm quán để cầm cố chiếc xe mô tô thì bị lực lượng công an xã yêu cầu dừng xe để làm việc. Quá trình làm việc T đã khai nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24V1-061.70 là do T trộm cắp ở xã L sáng ngày 13/3/2020. Công an đã lập biên bản thu giữ của T 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại xe Sirius và 01 biển kiểm soát 24V1-061.70, 01 chìa khóa xe hiệu Honda, 01 điện thoại di động hiệu Itel; thu giữ của Kết 01 điện thoại di động hiệu Masstel.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL - ĐGTS ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: xe mô tô hiệu Yamaha loại xe Sirius biển kiểm soát 24V1-061.70 tại thời điểm định giá tháng 3/2020 có giá trị là 14.280.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS-VB ngày 13/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Vi Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử: * Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chìa khóa xe mô tô Honda là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu sáng ngày 13/3/2020 Vi Văn T đã trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu đen - trắng biển kiểm soát 24V1- 061.70 của vợ chồng ông Q và bà C dựng ở ven đường có trị giá 14.280.000đ (mười bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 13/3/2020, Vi Văn T đã trộm cắp tài sản của người khác có trị giá là 14.280.000đ (mười bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Vi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, đua đòi dẫn đến nghiện ma túy, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động mẹ đẻ tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông nội và ông ngoại có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam được Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương. Bị cáo không có nghề nghiệp, nghiện ma túy, không có tài sản riêng gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Xe mô tô bị cáo trộm cắp trị giá 14.280.000đ, cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là ông Q và bà C. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000đ tiền chi phí tìm kiếm xe, bị cáo đã tác động mẹ đẻ là bà Hoàng Thị P bồi thường cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác, bà P không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc chìa khóa xe mô tô bị cáo Vi Văn T nhặt được dùng để mở khóa điện xe mô tô trộm cắp không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Itel thu giữ của bị cáo Vi Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Masstel thu giữ của Nguyễn Văn K không liên quan đến hành vi phạm tội cơ quan điều tra đã trả lại cho anh K là chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Nguyễn Văn K được bị cáo T rủ đi cầm cố xe trộm cắp nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Vi Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2020 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chìa khóa xe mô tô Honda là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vi Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh LC(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại(02);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái